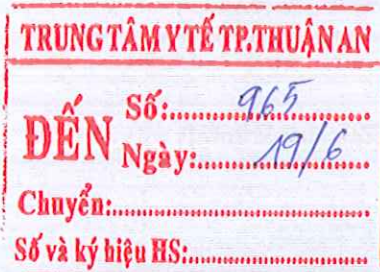


UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1872 /SYT-NVY
V/v chuẩn bị các điều kiện để thành
lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2025



Kính gửi:

- Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương;
- Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 7;
- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông báo số 636/TB-TTCC115 ngày 17/6/2025 của Trung tâm cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh về việc Thông báo Kết luận buổi họp báo cáo về thực trạng và đề xuất các giải pháp cung ứng dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất (đính kèm),

Đề công tác cấp cứu ngoại viện trên địa bàn tỉnh Bình Dương không gián đoạn sau khi họp nhất, Sở Y tế đề nghị Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 7, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115 gồm: điều kiện về cơ sở vật chất; nhân sự; thuốc, thiết bị y tế và vật tư tiêu hao (Phụ lục đính kèm).

2. Trung tâm cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phối hợp Sở Y tế tỉnh Bình Dương tổ chức việc khảo sát, thẩm định điều kiện thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115 đối với các đơn vị và đưa vào hoạt động nhằm triển khai cấp cứu người dân trên địa bàn trước ngày 01/7/2025.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ SYT (Bs. Nguyễn);
- Lưu: VT, NVY (V).

Chuyển
- KINH / 19.6.25
- Lưu /
Luu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
Y TẾ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
QUÁCH TRUNG NGUYÊN

PHỤ LỤC**Điều kiện thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115**(Đính kèm Công văn số 1872 /SYT-NVY ngày 18 tháng 6 năm 2025)**1. Cơ sở vật chất**

- Phòng trực nhân viên tham gia nhiệm vụ cấp cứu ngoài bệnh viện.
- Bảng hiệu ở cổng: “Trạm cấp cứu vệ tinh 115 - Bệnh viện...”
- Điện thoại bàn trực cấp cứu.
- Điện thoại di động trực cấp cứu.
- Tối thiểu 01 xe cấp cứu thực hiện nhiệm vụ cấp cứu ngoài bệnh viện.

2. Nhân sự

- 01 kíp trực gồm: 1 bác sĩ (y sĩ), 2 điều dưỡng và 1 lái xe.
- 01 nhân viên trực điện thoại bàn, nhận điện thoại từ Trung tâm Cấp cứu 115.
- Quy trình xuất xe cấp cứu trong vòng 3 - 5 phút, ngay sau khi nhận điều phối từ tổng đài Trung tâm Cấp cứu 115.

3. Thuốc, thiết bị y tế và vật tư tiêu hao: theo Quyết định số 3385/QĐ-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế

3.1 Danh mục vali thuốc cấp cứu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
I	Thuốc gây nghiện, hướng thần			
1	Morphine chlorhydrate	10mg/ml	ống	IV/IM/SC
2	Diazepam	10mg/2ml	ống	IV/IM
3	Midazolam	5mg/ml	ống	IV/IM
4	Fentanyl	50mcg/ml	ống	IV/IM
II	Thuốc giảm đau - hạ sốt - kháng viêm non steroid			
5	Diclofenac	75mg/3ml	ống	IM
6	Paracetamol	1g/100ml	lọ	Inf
7	Paracetamol	150mg	Viên đặt	PR
III	Thuốc chống dị ứng			
8	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/1ml	ống	IV/IM
9	Methylprednisolone	40mg	lọ	IV/IM
IV	Thuốc cấp cứu và chống độc			
10	Naloxone hydrochloride	0,4mg/ml	ống	IV/IM

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
11	Vitamin B1	100mg/ml	ống	IV/IM
V	Thuốc tim mạch			
12	Atropin	0,25mg/1ml	ống	IV/SC
13	Adrenalin 1:1000	1mg/1ml	ống	IV/IM/ Inf
14	Lidocain hydrochloride	0.04g/2ml	ống	IV/SC/Inf
15	Acetylsalicylic acid	81mg	viên	PO
16	Clopidogrel	75mg	viên	PO
17	Amiodarone	150mg/3ml	ống	IV/Inf
18	Captopril	25mg	viên	PO
19	Digoxin	0,5mg/2ml	ống	IV
20	Dobutamine	250mg/20ml	ống	IV/Inf
21	Dopamin	200mg/5ml	ống	IV/Inf
22	Nitroglycerin	10g	lọ	SL
23	Nitroglycerin	5mg/5ml	ống	IV
24	Nifedipine	10mg	viên	PO
25	Nicardipine	10mg/10ml	ống	IV/Inf
26	Nor-adrenalin	1mg/ml	ống	IV/Inf
27	Furosemide	20mg/2ml	ống	IV/IM
28	Kali chloride 10%	500mg/5ml	ống	Inf
29	Atorvastatin	40mg	viên	PO
VI	Thuốc khử trùng			
30	Nước oxy già 3%	60ml	chai	AAA
31	Povidon iod	10%	chai	AAA
VII	Thuốc tiêu hóa			
32	Esomeprazole	40mg	lọ	IV/Inf
33	Hyoscin-N-butylbromide	20mg/ml	ống	IV/IM
34	Metoclopramide	10mg/2ml	ống	IV/IM

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
VIII	Thuốc hô hấp			
35	Budesonide	0,5mg/ml	ống	IN
36	Salbutamol + Ipratropium	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	ống	IN
37	Salbutamol	5mg/2,5ml	ống	IN
38	Terbutaline	0,5mg/1ml	ống	SC/IV/IM
IX	Dịch truyền			
39	Glucose 5%	500ml	chai	Inf
40	Glucose 30%	250ml	chai	Inf
41	Natri chloride 0,9%	500ml/100ml	chai	Inf
42	Ringer lactate	500ml	chai	Inf
43	Natribicarbonate 4,2%	250ml	chai	Inf
44	Nhũ dịch Lipid 20%	250ml	chai	Inf
X	Thuốc gây tê			
45	Lidocain Spray 10%	38g	lọ	AAA
XI	Mắt			
46	Nacl 0.9%	10ml	lọ	OU/IN
XII	Thuốc chống chóng mặt			
47	Tanganil	500mg/5ml	ống	IV
48	Piracetam	12g/60ml	chai	IV/Inf
XIII	Thuốc sản khoa			
49	Oxytoxin	5UI/ml	ống	IV/IM
XIV	Thuốc khác			
50	Penthenol (xịt bóng)	130g	tuýp	AAA
51	Nước muối sinh lý 0,9%	500ml	chai	AAA
52	Nước cất pha tiêm	5ml	ống	Nước pha tiêm
53	Magnesium sulfate 15%	750mg/5ml	ống	IV/IM/Inf
54	Calci gluconate 10%	500mg/5ml	ống	IV/Inf

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
55	Khí oxy	99,9%	Khí hóa lỏng	IN

3.2 Danh mục vali dụng cụ cấp cứu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
I	Thông khí và các dụng cụ hỗ trợ hô hấp		
1	Bóng bóp người lớn loại sử dụng nhiều lần	Chiếc	01
2	Bóng bóp trẻ em lớn loại sử dụng nhiều lần.	Chiếc	01
3	Mặt nạ thở oxy người lớn	Chiếc	1-2
4	Mặt nạ thở oxy trẻ em	Chiếc	1-2
5	Canuyn Mayo các cỡ	Bộ	01
6	Mặt nạ thanh quản các cỡ dùng cho người lớn và trẻ em	Bộ	01
7	Bộ đặt Nội khí quản, có đèn soi thanh quản với ống nội khí quản các cỡ dùng cho người lớn và trẻ em	Bộ	01
8	Kim chọc dò khí màng phổi	Chiếc	1-2
II	Băng, gạc:		
9	Gạc vô trùng, kích thước to, nhỏ khác nhau .	Gói	05
10	Băng tam giác.	Chiếc	02
11	Băng cuộn: nhiều kích cỡ.	Cuộn	5-10
12	Băng dính	Cuộn	2
13	Băng chun garo mạch máu.	Chiếc	2-5
III	Vật tư sản khoa:		
14	Các vật tư vô trùng cho trẻ sơ sinh (đã đóng gói sẵn, vô trùng) gồm: Khăn 50*50cm để quấn cho em bé; băng rốn; bóng hút dịch; kẹp rốn; găng tay vô trùng; chăn ủ ấm cho trẻ.	Bộ	1-2
IV	Dụng cụ và vật tư khác		
15	Máy đo huyết áp người lớn	Chiếc	01
16	Máy đo huyết áp trẻ em	Chiếc	01

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
17	Ông nghe	Chiếc	01
18	Nhiệt kế	Chiếc	1-5
19	Hộp đựng củ tiêu phẫu: 02 kẹp, 02 Kéo, 02 kẹp phẫu tích, cần dao, lược dao dùng một lần, kim liền chỉ khâu, Kẹp kim.	Hộp	01
20	Bơm tiêm các cỡ	Chiếc	
	1ml		05
	5ml		10
	10ml		10
	50 ml		1-2
	Bơm tiêm giống bơm tiêm điện dùng 01 lần		1-2
21	Dây truyền dịch	Bộ	5-10
22	Kim Luồn tĩnh mạch ngoại vi các kích cỡ: mỗi cỡ 2 chiếc.	Chiếc	2
23	Kim bướm	Chiếc	2-5
24	Hộp đựng bông cotton sát khuẩn	Hộp	01
25	Đèn pin với pin dự phòng và bóng đèn	Chiếc	1-2
26	Thẻ phân loại bệnh nhân (các màu: Đỏ, vàng, xanh, đen); mỗi loại	Chiếc	5-10
27	Túi đựng chất nôn, quần áo, chất thải độc hại dùng một lần (bằng nilon hoặc bằng giấy)	Chiếc	2-5
28	Ông thông tiểu: nclaton, fauley, mỗi loại 2-5 chiếc.	Chiếc	2-5
29	Ông thông dạ dày các cỡ	Chiếc	2-5
30	Ga trải căng	Chiếc	02
V	Kiểm soát nhiễm khuẩn:		
31	Bộ quần áo phòng hộ (khi cấp cứu bệnh nhân bị nhiễm dịch): có quần, áo, mũ, khẩu trang N95, bốt chân, kính)	Bộ	03
32	Găng vô khuẩn	Đôi	5-10
33	Dung dịch Betadin 10% lọ 150ml	Lọ	1-2
34	Túi đựng rác thải y tế	Chiếc	50

3.3 Danh mục thuốc, vật tư y tế thiết yếu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuốc gây nghiện, hướng thần			
1	Morphin 0,01g/1ml		ống	05
2	Diazepam 10mg/2ml	Seduxen 10mg/2ml	ống	5
II	Thuốc tim mạch			
3	Adrenalin 1mg/1ml		ống	10-20
4	Nor - Adrenalin 2mg			10
5	Atropin sulphat 0,25mg/1ml		ống	10-20
6	Amiodaron 150mg		ống	05
7	Digoxin 0,25mg/1ml		ống	10
8	Dopamin 200mg/5ml		ống	5-10
9	Furosemid 20mg/2ml	Lasix	ống	10-20
10	Furosemid 40mg	Lasix	Viên nén	10-20
11	Lidocain 2% /2ml		ống	20
12	Aspirin 0,100g (acetylsalicylic acid)	Aspegic	gói	30
13	Nifedipin 10mg	Adalat	Viên nang	30
14	Enalapril 5mg	Renitec	viên	30
15	Telmisartan 40mg	Micardis	viên	30
16	Amlodipine 5mg	Amlor	viên	30
17	Metoprolol 50mg	Betaloc Zok	viên	30
18	Nitroglycerin 2,6mg	Nitromint	viên	60
19	Nitroglycerin 2,6mg		Lọ	2
20	Dobutamin 250 mg		Ống	5
21	Atorvastatin 10mg	Lipitor	Viên	10
22	Nicardipin 10mg	Loxen	Ống	5-10
III	Thuốc hô hấp			
23	Salbutamol 4mg		viên	20-50
24	Salbutamol 0,5mg/5ml		ống	10

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
25	Cetylpyridinium + Lysozyme	Lysopain ORL	Lọ	5
26	Salbutamol spray	Ventolin	Lọ	1-2
27	Terbutalin 0,5mg/1ml	Bricanyl	ống	5-10
28	Terpin hydrat 200mg + Codein phosphat 5mg	Tecpin codein	viên	50-100
29	Acetylcystein	Acemuc	gói	60
IV	Thuốc tiêu hóa			
30	Omeprazole 40mg		Viên	30
31	Ranitidin 50mg/2ml	Zantac	ống	10
32	Mormoiron attapulgit + Nhôm hydroxyd + Magnesium carbonat	Gastropulgit	Gói	30
33	Loperamide 2mg	Imodium	viên	20
34	Orezol	Hydrit	viên	40
35	Domperidone 10 mg	Motilium-M	viên	20
36	Metoclopramid chlorhydrate 10mg/2ml	Primperan	ống	10-20
37	Metoclopramid chlorhydrate 10mg	Primperan	viên	10-20
38	Hyoscine-N-butylbromid	Buscopan	viên	30
39	Hyoscine-N-butylbromid 10mg	Buscopan	Ống	10
40	Diosmectite 3g		gói	20
V	Thuốc chống dị ứng, ngộ độc			
41	Fexofenadin 60 mg	Telfast 60 mg	viên	20-30
42	Methylprednisolon 16mg		viên	10-20
43	Than hoạt		Gói/Viên	10/100
44	Loratadin 10mg	Claritine 10mg	viên	30
45	Methylprednisolon 40mg	Solu Medrol	Lọ	5
VI	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm			
46	Paracetamol 0,5g	Effergal Codein	viên	20
47	Paracetamol 0,5g		viên	30
48	Paracetamol 1g	Perfagan	Chai	2-5

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
49	Diclofenac 50mg	Voltaren	viên	30
50	Diclofenac 75mg	Voltaren	ống	5
51	Tolperison 150mg	Mydocalm	viên	30-60
VII	Thuốc kháng sinh, kháng virus			
52	Amoxicillin 0,5g	Clamoxyl	viên	200
53	Azithromycin 250mg	Zithromax	viên	30
54	Metronidazole 250mg	Flagyl	viên	50
55	Nifuroxazid 200mg	Ercefuryl 200 mg	viên	50-100
56	Cotrimoxazole 0,480g	Trimazon	viên	40
57	Ofloxacin 200mg	Exocine	viên	50
58	Spiramycin + Metronidazol	Rodogyl	viên	20-40
59	Cefuroxim 500mg	Zinnat	viên	28
60	Acyclovir 5%	Zovirax	Tuyp	2
VIII	Thuốc điều trị đái tháo đường			
61	Gliclazide 80 mg	Predian	viên	30
62	Metformine 500 mg	Glucophage	viên	50
IX	Dịch truyền			
63	Glucose 5% 500 ml		chai	5
64	Glucose 10% 500 ml		chai	5
65	Natri clorid 0,9% 500 ml		chai	5-10
66	Dung dịch Natri Clorid, Natri Lactat, Kali Clorid, Calci Clorid, Dextrose 500 ml		chai	5-10
67	Natri hydrocacbonat 4,2%		chai	2
68	Dung dịch cao phân tử	Haes-steril 6% 500 ml	chai	1
69	Manitol 200ml		chai	2
X	Bông, băng, gạc			
70	Bông thấm nước		kg	1
71	Băng cuộn xô 5m x 10cm		cuộn	10-20

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
72	Băng dính 5m x 5cm	Urgosyval	cuộn	2
73	Gạc hút		mét	20-50
74	Băng thun	Urgocrep 0.06m*4.5m	cuộn	2-5
75	Băng thun	Urgocrep 0.08m*4.5m	cuộn	2-5
76	Băng dính có gạc vô trùng, các kích cỡ	Optiskin 120*90 mm	miếng	10-30
77	Băng dính có gạc vô trùng, các kích cỡ	Optiskin 150*90 mm	miếng	10-30
XI	Thuốc dùng ngoài sát trùng			
79	Polyvinyl Pyrrolidone 10%		Lọ	2
80	Cồn 70°		Chai	500ml
81	Oxy già 30 Thể tích		Chai	200ml
XII	Thuốc nhỏ mắt			
82	Tobramycine 0,3% 5ml		Lọ	10ml
83	Natri clorid 0,9% 10ml		Lọ	10-30ml

3.4 Danh mục thiết bị thiết yếu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
I	Các thiết bị thông khí và dụng cụ hỗ trợ hô hấp		
1	Máy hút dịch di động: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
2	Bình ô xy dung tích 5 lít, có đồng hồ đo áp lực và bộ điều chỉnh lưu lượng; dây dẫn ô xy các cỡ người lớn, trẻ em	Bộ	01
3	Máy theo dõi nồng độ ô xy mao mạch (SpO2), kèm theo đầu dò người lớn và trẻ em dùng nhiều lần: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
4	Có thể trang bị máy thở xách tay: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz có các mode thở cơ bản	Chiếc	01
II	Các thiết bị cấp cứu tim mạch		
5	Máy theo dõi bệnh nhân xách tay (monitor) tối thiểu có các chỉ số: Mạch, nhiệt độ, huyết áp, SpO2, điện tim: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
6	Máy khử rung tim xách tay: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
7	Máy ghi điện tim ≥ 3 kênh dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
III	Dụng cụ cố định:		
8	Nẹp cố định cổ người lớn và trẻ em (mỗi loại 02 chiếc).	Chiếc	04
9	Nẹp cố định chi gãy (đùi, cẳng chân, cẳng tay, cánh tay): chất liệu có thể bằng gỗ, kim loại, nhựa	Bộ	01
10	Áo nẹp chân không để cố định toàn thân (nếu có điều kiện)	Chiếc	01
IV	Kiểm soát nhiễm khuẩn:		
11	Dung dịch sát khuẩn tay tác động nhanh	Lọ	01
12	Hộp đựng vật sắc nhọn	Chiếc	01
V	Các thiết bị và dụng cụ khác:		
13	Bơm tiêm điện tự động (chạy điện 1 chiều và xoay chiều 220V)	Chiếc	01
14	Bơm truyền dịch tự động: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
15	Máy đo đường máu mao mạch + que thử	Chiếc	01
16	Chăn ủ ấm cho bệnh nhân	Chiếc	01
17	Gối kê vai	Chiếc	01
18	Bô đựng đựng chất thải	Chiếc	01
19	Cáng có xe đẩy	Chiếc	01
20	Cáng gấp	Chiếc	01



Cơ quan: TRUNG TÂM
CẤP CỨU 115, SỞ Y TẾ
Email:
cc115.syt@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 17.06.2025
09:53:23 +07:00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU 115

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 636/TB-TTCC115

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết luận buổi họp báo cáo về thực trạng và đề xuất các giải pháp cung ứng dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất

Căn cứ Quyết định 3787/QĐ-SYT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về Thành lập các tổ công tác xây dựng phương án sắp xếp hoạt động của hệ thống y tế Thành phố Hồ Chí Minh sau khi họp nhất.

Nhằm kịp thời triển khai các giải pháp cung ứng dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất, ngày 16 tháng 6 năm 2025, Tổ công tác triển khai hệ thống cấp cứu ngoài bệnh viện 115 đã tổ chức buổi họp báo cáo về thực trạng và đề xuất các giải pháp cung ứng dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện trên địa bàn với sự tham dự của Giám đốc Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ phó Tổ công tác, thành phần tham dự còn có: Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ y SYT tỉnh Bình Dương, Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ SYT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng các thành viên của Tổ công tác. Sau khi lắng nghe báo cáo, buổi họp đã thống nhất các nội dung và kính trình báo cáo Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Y tế tỉnh Bình Dương và Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

1. Thống nhất định tuyến chung đầu số 115 cho 03 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách, thực hiện việc tiếp nhận và điều phối cấp cứu ngoài bệnh viện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau khi họp nhất trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thống nhất thực hiện giải pháp triển khai mô hình Trạm cấp cứu vệ tinh 115 trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhằm kịp thời cung cấp dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện cho người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tổ công tác kính đề xuất Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Y tế tỉnh Bình Dương và Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu các nội dung sau:

- Giao Trung tâm Cấp cứu 115 phối hợp cùng Trung tâm chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Công nghệ thông tin SYT TP.HCM, Phòng Nghiệp vụ y SYT tỉnh Bình Dương và Phòng Nghiệp vụ SYT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu triển khai các hoạt động cụ thể nhằm định tuyến chung đầu số 115, kịp thời đưa vào hoạt động tiếp nhận và điều phối cuộc gọi cấp cứu của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Tổ chức việc khảo sát, thẩm định điều kiện thành lập, đưa vào hoạt động chính

thức Trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhằm triển khai cấp cứu người dân trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trên đây là nội dung buổi họp báo cáo về thực trạng và đề xuất các giải pháp cung ứng dịch vụ cấp cứu ngoài bệnh viện tại Thành phố Hồ Chí Minh sau họp nhất. Tổ công tác kính trình Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Y tế tỉnh Bình Dương và Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

Đính kèm:

1. Phụ lục I: Danh sách các cơ sở điều trị dự kiến thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115 trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
2. Phụ lục II: Điều kiện thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115 gửi cho các cơ sở điều trị được thẩm định. 

Nơi nhận:

- Phòng NVY - SYT TP. HCM;
- Phòng NVY – SYT Bình Dương;
- Phòng NV – SYT Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: VT, P.KHTC (HTNg).



BS. CKII. Nguyễn Duy Long



PHỤ LỤC I

Danh sách các cơ sở điều trị dự kiến thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115
trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(Đính kèm Thông báo số 636/TB-TTCC115 ngày 17 tháng 6 năm 2025)

STT	Cơ sở điều trị dự kiến thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115
Tỉnh Bình Dương	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương
2	Bệnh viện Đa khoa Quân y 4
3	Trung tâm y tế Thuận An
4	Trung tâm y tế Dĩ An
5	Trung tâm y tế Tân Uyên
6	Trung tâm y tế Bến Cát
7	Trung tâm y tế Phú Giáo
8	Trung tâm y tế Dầu Tiếng
9	Trung tâm y tế Bàu Bàng
10	Trung tâm y tế Bắc Tân Uyên
11	Trung tâm y tế Thủ Dầu Một
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
1	Bệnh viện Vũng Tàu
2	Bệnh viện Bà Rịa
3	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc
4	Trung tâm y tế huyện Châu Đức
5	Trung tâm y tế huyện Phú Mỹ
6	Trung tâm y tế huyện Đất Đỏ
7	Trung tâm y tế huyện Long Điền
8	Trung tâm y tế Quân – Dân y Côn Đảo

[Handwritten signature]



PHỤ LỤC II

Điều kiện thành lập Trạm cấp cứu vệ tinh 115
gửi cho các cơ sở điều trị được thẩm định

(Đính kèm Thông báo số 636/TB-TTCC115 ngày 17 tháng 6 năm 2025)

1. Cơ sở vật chất

- Phòng trực nhân viên tham gia nhiệm vụ cấp cứu ngoài bệnh viện.
- Bảng hiệu ở cổng: “Trạm cấp cứu vệ tinh 115 – Bệnh viện...”
- Điện thoại bàn trực cấp cứu.
- Điện thoại di động trực cấp cứu.
- Tối thiểu 01 xe cấp cứu thực hiện nhiệm vụ cấp cứu ngoài bệnh viện.

2. Nhân sự

- 01 kíp trực gồm: 1 bác sĩ (y sĩ), 2 điều dưỡng và 1 lái xe.
- 01 nhân viên trực điện thoại bàn, nhận điện thoại từ Trung tâm Cấp cứu 115.
- Quy trình xuất xe cấp cứu trong vòng 3 - 5 phút, ngay sau khi nhận điều phối từ tổng đài Trung tâm Cấp cứu 115.

3. Thuốc, thiết bị y tế và vật tư tiêu hao: theo Quyết định số 3385/QĐ-BYT ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế

3.1 Danh mục vali thuốc cấp cứu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
I	Thuốc gây nghiện, hướng thần			
1	Morphine chlorhydrate	10mg/ml	ống	IV/IM/SC
2	Diazepam	10mg/2ml	ống	IV/IM
3	Midazolam	5mg/ml	ống	IV/IM
4	Fentanyl	50mcg/ml	ống	IV/IM
II	Thuốc giảm đau - hạ sốt - kháng viêm non steroid			
5	Diclofenac	75mg/3ml	ống	IM
6	Paracetamol	1g/100ml	lọ	Inf
7	Paracetamol	150mg	Viên đặt	PR
III	Thuốc chống dị ứng			
8	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/1ml	ống	IV/IM
9	Methylprednisolone	40mg	lọ	IV/IM

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
IV	Thuốc cấp cứu và chống độc			
10	Naloxone hydrochloride	0,4mg/ml	ống	IV/IM
11	Vitamin B1	100mg/ml	ống	IV/IM
V	Thuốc tim mạch			
12	Atropin	0,25mg/1ml	ống	IV/SC
13	Adrenalin 1:1000	1mg/1ml	ống	IV/IM/ Inf
14	Lidocain hydrochloride	0.04g/2ml	ống	IV/SC/Inf
15	Acetylsalicylic acid	81mg	viên	PO
16	Clopidogrel	75mg	viên	PO
17	Amiodarone	150mg/3ml	ống	IV/Inf
18	Captopril	25mg	viên	PO
19	Digoxin	0,5mg/2ml	ống	IV
20	Dobutamine	250mg/20ml	ống	IV/Inf
21	Dopamin	200mg/5ml	ống	IV/Inf
22	Nitroglycerin	10g	lọ	SL
23	Nitroglycerin	5mg/5ml	ống	IV
24	Nifedipine	10mg	viên	PO
25	Nicardipine	10mg/10ml	ống	IV/Inf
26	Nor-adrenalin	1mg/ml	ống	IV/Inf
27	Furosemide	20mg/2ml	ống	IV/IM
28	Kali chloride 10%	500mg/5ml	ống	Inf
29	Atorvastatin	40mg	viên	PO
VI	Thuốc khử trùng			
30	Nước oxy già 3%	60ml	chai	AAA
31	Povidon iod	10%	chai	AAA
VII	Thuốc tiêu hóa			
32	Esomeprazole	40mg	lọ	IV/Inf

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	ĐVT	Đường dùng
33	Hyoscin-N-butylbromide	20mg/ml	ống	IV/IM
34	Metoclopramide	10mg/2ml	ống	IV/IM
VIII	Thuốc hô hấp			
35	Budesonide	0,5mg/ml	ống	IN
36	Salbutamol + Ipratropium	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	ống	IN
37	Salbutamol	5mg/2,5ml	ống	IN
38	Terbutaline	0,5mg/1ml	ống	SC/IV/IM
IX	Dịch truyền			
39	Glucose 5%	500ml	chai	Inf
40	Glucose 30%	250ml	chai	Inf
41	Natri chloride 0,9%	500ml/100ml	chai	Inf
42	Ringer lactate	500ml	chai	Inf
43	Natribicarbonate 4,2%	250ml	chai	Inf
44	Nhũ dịch Lipid 20%	250ml	chai	Inf
X	Thuốc gây tê			
45	Lidocain Spray 10%	38g	lọ	AAA
XI	Mắt			
46	Nacl 0.9%	10ml	lọ	OU/TN
XII	Thuốc chống chóng mặt			
47	Tanganil	500mg/5ml	ống	IV
48	Piracetam	12g/60ml	chai	IV/Inf
XIII	Thuốc sản khoa			
49	Oxytoxin	5UI/ml	ống	IV/IM
XIV	Thuốc khác			
50	Penthenol (xịt bông)	130g	tuýp	AAA
51	Nước muối sinh lý 0,9%	500ml	chai	AAA
52	Nước cất pha tiêm	5ml	ống	Nước pha tiêm

STT	Tên hoạt chất	Hàm lượng	DVT	Đường dùng
53	Magnesium sulfate 15%	750mg/5ml	ống	IV/IM/Inf
54	Calci gluconate 10%	500mg/5ml	ống	IV/Inf
55	Khí oxy	99,9%	Khí hóa lỏng	IN

3.2 Danh mục vali dụng cụ cấp cứu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
I	Thông khí và các dụng cụ hỗ trợ hô hấp		
1	Bóng bóp người lớn loại sử dụng nhiều lần	Chiếc	01
2	Bóng bóp trẻ em lớn loại sử dụng nhiều lần.	Chiếc	01
3	Mặt nạ thở oxy người lớn	Chiếc	1-2
4	Mặt nạ thở oxy trẻ em	Chiếc	1-2
5	Canuyn Mayo các cỡ	Bộ	01
6	Mặt nạ thanh quản các cỡ dùng cho người lớn và trẻ em	Bộ	01
7	Bộ đặt Nội khí quản, có đèn soi thanh quản với ống nội khí quản các cỡ dùng cho người lớn và trẻ em	Bộ	01
8	Kim chọc dò khí màng phổi	Chiếc	1-2
II	Băng, gạc:		
9	Gạc vô trùng, kích thước to, nhỏ khác nhau .	Gói	05
10	Băng tam giác.	Chiếc	02
11	Băng cuộn: nhiều kích cỡ.	Cuộn	5-10
12	Băng dính	Cuộn	2
13	Băng chun garo mạch máu.	Chiếc	2-5
III	Vật tư sản khoa:		
14	Các vật tư vô trùng cho trẻ sơ sinh (đã đóng gói sẵn, vô trùng) gồm: Khăn 50*50cm để quấn cho em bé; băng rốn; bóng hút dịch; kẹp rốn; găng tay vô trùng; chăn ủ ấm cho trẻ.	Bộ	1-2
IV	Dụng cụ và vật tư khác		

10

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
15	Máy đo huyết áp người lớn	Chiếc	01
16	Máy đo huyết áp trẻ em	Chiếc	01
17	Ổng nghe	Chiếc	01
18	Nhiệt kế	Chiếc	1-5
19	Hộp dụng cụ tiểu phẫu: 02 kẹp, 02 Kéo, 02 kẹp phẫu tích, cán dao, lưỡi dao dùng một lần, kim liền chỉ khâu, Kẹp kim.	Hộp	01
20	Bơm tiêm các cỡ	Chiếc	
	1ml		05
	5ml		10
	10ml		10
	50 ml		1-2
	Bơm tiêm giống bơm tiêm điện dùng 01 lần		1-2
21	Dây truyền dịch	Bộ	5-10
22	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi các kích cỡ: mỗi cỡ 2 chiếc.	Chiếc	2
23	Kim bướm	Chiếc	2-5
24	Hộp đựng bông cotton sát khuẩn	Hộp	01
25	Đèn pin với pin dự phòng và bóng đèn	Chiếc	1-2
26	Thẻ phân loại bệnh nhân (các màu: Đỏ, vàng, xanh, đen): mỗi loại	Chiếc	5-10
27	Túi đựng chất nôn, quần áo, chất thải độc hại dùng một lần (bằng nilon hoặc bằng giấy)	Chiếc	2-5
28	Ổng thông tiểu: nelaton, fauley, mỗi loại 2-5 chiếc.	Chiếc	2-5
29	Ổng thông dạ dày các cỡ	Chiếc	2-5
30	Ga trải cáng	Chiếc	02
V	Kiểm soát nhiễm khuẩn:		
31	Bộ quần áo phòng hộ (khi cấp cứu bệnh nhân bị nhiễm dịch): có quần, áo, mũ, khẩu trang N95, bốt chân, kính)	Bộ	03
32	Găng vô khuẩn	Đôi	5-10
33	Dung dịch Betadin 10% lọ 150ml	Lọ	1-2

le

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
34	Túi đựng rác thải y tế	Chiếc	50

3.3 Danh mục thuốc, vật tư y tế thiết yếu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thuốc gây nghiện, hướng thần			
1	Morphin 0,01g/1ml		ống	05
2	Diazepam 10mg/2ml	Seduxen 10mg/2ml	ống	5
II	Thuốc tim mạch			
3	Adrenalin 1mg/1ml		ống	10-20
4	Nor - Adrenalin 2mg			10
5	Atropin sulphat 0,25mg/1ml		ống	10-20
6	Amiodaron 150mg		ống	05
7	Digoxin 0,25mg/1ml		ống	10
8	Dopamin 200mg/5ml		ống	5-10
9	Furosemid 20mg/2ml	Lasix	ống	10-20
10	Furosemid 40mg	Lasix	Viên nén	10-20
11	Lidocain 2% /2ml		ống	20
12	Aspirin 0,100g (acetylsalicylic acid)	Aspegic	gói	30
13	Nifedipin 10mg	Adalat	Viên nang	30
14	Enalapril 5mg	Renitec	viên	30
15	Telmisartan 40mg	Micardis	viên	30
16	Amlodipine 5mg	Amlor	viên	30
17	Metoprolol 50mg	Betaloc Zok	viên	30
18	Nitroglycerin 2,6mg	Nitromint	viên	60
19	Nitroglycerin 2,6mg		Lọ	2
20	Dobutamin 250 mg		Ống	5
21	Atorvastatin 10mg	Lipitor	Viên	10

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
22	Nicardipin 10mg	Loxen	Ống	5-10
III	Thuốc hô hấp			
23	Salbutamol 4mg		viên	20-50
24	Salbutamol 0,5mg/5ml		ống	10
25	Cetylpyridinium + Lysozyme	Lysopain ORL	Lọ	5
26	Salbutamol spray	Ventolin	Lọ	1-2
27	Terbutalin 0,5mg/1ml	Bricanyl	ống	5-10
28	Terpin hydrat 200mg + Codein phosphat 5mg	Tecpin codein	viên	50-100
29	Acetylcystein	Acemuc	gói	60
IV	Thuốc tiêu hóa			
30	Omeprazole 40mg		Viên	30
31	Ranitidin 50mg/2ml	Zantac	ống	10
32	Mormoiron attapulgit + Nhôm hydroxyd + Magnesium carbonat	Gastropulgit	Gói	30
33	Loperamide 2mg	Imodium	viên	20
34	Orezol	Hydrit	viên	40
35	Domperidone 10 mg	Motilium-M	viên	20
36	Metoclopramid chlorhydrate 10mg/2ml	Primperan	ống	10-20
37	Metoclopramid chlorhydrate 10mg	Primperan	viên	10-20
38	Hyoscine-N-butylbromid	Buscopan	viên	30
39	Hyoscine-N-butylbromid 10mg	Buscopan	Ống	10
40	Diosmectite 3g		gói	20
V	Thuốc chống dị ứng, ngộ độc			
41	Fexofenadin 60 mg	Telfast 60 mg	viên	20-30
42	Methylprednisolon 16mg		viên	10-20
43	Than hoạt		Gói/Viên	10/100
44	Loratadin 10mg	Claritine 10mg	viên	30
45	Methylprednisolon 40mg	Solu Medrol	Lọ	5

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
VI	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm			
46	Paracetamol 0,5g	Effergal Codein	viên	20
47	Paracetamol 0,5g		viên	30
48	Paracetamol 1g	Perfagan	Chai	2-5
49	Diclofenac 50mg	Voltaren	viên	30
50	Diclofenac 75mg	Voltaren	ống	5
51	Tolperison 150mg	Mydocalm	viên	30-60
VII	Thuốc kháng sinh, kháng virus			
52	Amoxicillin 0,5g	Clamoxyl	viên	200
53	Azithromycin 250mg	Zithromax	viên	30
54	Metronidazole 250mg	Flagyl	viên	50
55	Nifuroxazid 200mg	Ercefuryl 200 mg	viên	50-100
56	Cotrimoxazole 0,480g	Trimazon	viên	40
57	Ofloxacin 200mg	Exocine	viên	50
58	Spiramycin + Metronidazol	Rodogyl	viên	20-40
59	Cefuroxim 500mg	Zinnat	viên	28
60	Acyclovir 5%	Zovirax	Tuyp	2
VIII	Thuốc điều trị đái tháo đường			
61	Gliclazide 80 mg	Predian	viên	30
62	Metformine 500 mg	Glucophage	viên	50
IX	Dịch truyền			
63	Glucose 5% 500 ml		chai	5
64	Glucose 10% 500 ml		chai	5
65	Natri clorid 0,9% 500 ml		chai	5-10
66	Dung dịch Natri Clorid, Natri Lactat, Kali Clorid, Calci Clorid, Dextrose 500 ml		chai	5-10
67	Natri hydrocacbonat 4,2%		chai	2
68	Dung dịch cao phân tử	Haes-steril 6% 500 ml	chai	1

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
69	Manitol 200ml		chai	2
X	Bông, băng, gạc			
70	Bông thấm nước		kg	1
71	Băng cuộn xô 5m x 10cm		cuộn	10-20
72	Băng dính 5m x 5cm	Urgosyval	cuộn	2
73	Gạc hút		mét	20-50
74	Băng thun	Urgocrep 0.06m*4.5m	cuộn	2-5
75	Băng thun	Urgocrep 0.08m*4.5m	cuộn	2-5
76	Băng dính có gạc vô trùng, các kích cỡ	Optiskin 120*90 mm	miếng	10-30
77	Băng dính có gạc vô trùng, các kích cỡ	Optiskin 150*90 mm	miếng	10-30
XI	Thuốc dùng ngoài sát trùng			
79	Polyvinyl Pyrrolidone 10%		Lọ	2
80	Cồn 70°		Chai	500ml
81	Oxy già 30 Thể tích		Chai	200ml
XII	Thuốc nhỏ mắt			
82	Tobramycine 0,3% 5ml		Lọ	10ml
83	Natri clorid 0,9% 10ml		Lọ	10-30ml

3.4 Danh mục thiết bị thiết yếu trang bị trên xe ô tô cứu thương cho một kíp cấp cứu ngoại viện

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
I	Các thiết bị thông khí và dụng cụ hỗ trợ hô hấp		
1	Máy hút dịch di động: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
2	Bình ô xy dung tích 5 lít, có đồng hồ đo áp lực và bộ điều chỉnh lưu lượng; dây dẫn ô xy các cỡ người lớn, trẻ em	Bộ	01
3	Máy theo dõi nồng độ ô xy mao mạch (SpO ₂), kèm theo đầu dò người lớn và trẻ em dùng nhiều lần: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01

STT	Tên vật tư và dụng cụ cấp cứu	Đơn vị	Số lượng
4	Có thể trang bị máy thở xách tay: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz có các mode thở cơ bản	Chiếc	01
II	Các thiết bị cấp cứu tim mạch		
5	Máy theo dõi bệnh nhân xách tay (monitor) tối thiểu có các chỉ số: Mạch, nhiệt độ, huyết áp, SpO2, điện tim: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
6	Máy khử rung tim xách tay: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
7	Máy ghi điện tim ≥ 3 kênh dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
III	Dụng cụ cố định:		
8	Nẹp cố định cổ người lớn và trẻ em (mỗi loại 02 chiếc).	Chiếc	04
9	Nẹp cố định chi gãy (đùi, cẳng chân, cẳng tay, cánh tay): chất liệu có thể bằng gỗ, kim loại, nhựa	Bộ	01
10	Áo nẹp chân không để cố định toàn thân (nếu có điều kiện)	Chiếc	01
IV	Kiểm soát nhiễm khuẩn:		
11	Dung dịch sát khuẩn tay tác động nhanh	Lọ	01
12	Hộp đựng vật sắc nhọn	Chiếc	01
V	Các thiết bị và dụng cụ khác:		
13	Bơm tiêm điện tự động (chạy điện 1 chiều và xoay chiều 220V)	Chiếc	01
14	Bơm truyền dịch tự động: dùng nguồn ắc quy hoặc điện xoay chiều 220V/50Hz	Chiếc	01
15	Máy đo đường máu mao mạch + que thử	Chiếc	01
16	Chăn ủ ấm cho bệnh nhân	Chiếc	01
17	Gối kê vai	Chiếc	01
18	Bô dẹt đựng chất thải	Chiếc	01
19	Cáng có xe đẩy	Chiếc	01
20	Cáng gấp	Chiếc	01

